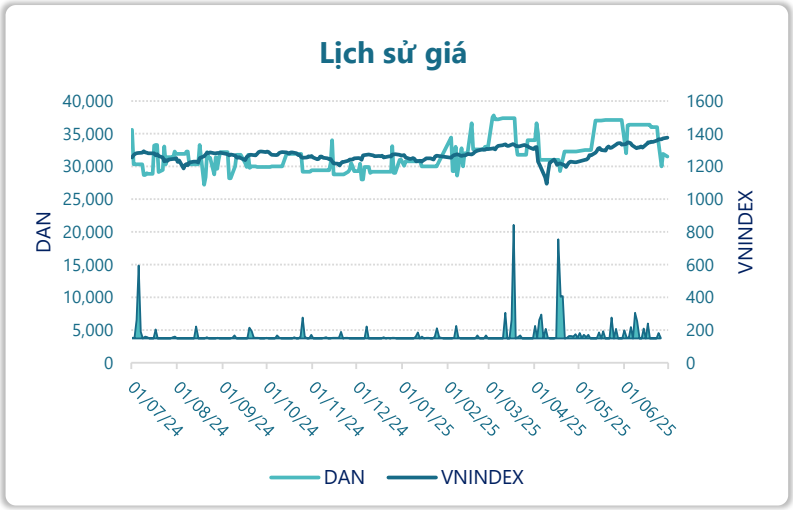
FireAnt

CTCP Dược Danapha (UPCOM: DAN)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**31,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,209
SL cổ phiếu LH	20,938,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	940
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	660
P/E	10.9
EPS	2,885

DT thuần

Q2/25

155

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.0| 10.7%

YoY: ▲ 3.00| 2.0%

LN sau thuế

Q2/25

7.89

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.81| -52.8%

YoY: ▼8.01| -50.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

8.3%

+/- YoY: ▼ 7.6%

DT thuần

6T 2025

295

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0| 3.6%

LN sau thuế

6T 2025

24.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼13.4| -35.2%

ROE

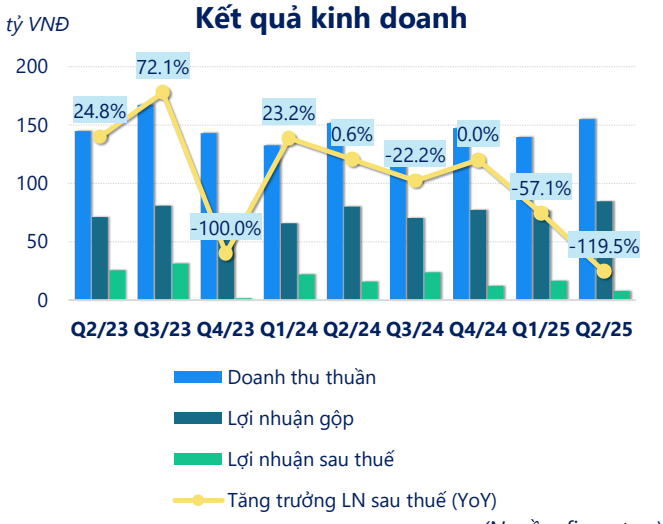
Q2/25

7.9%

+/- YoY: ▼ 2.1%

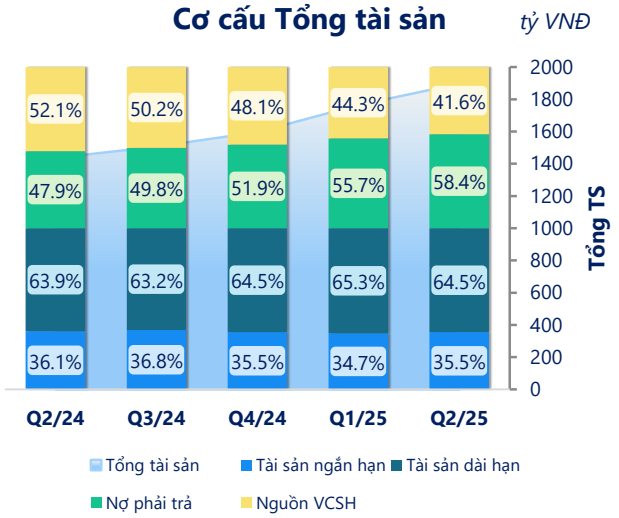
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



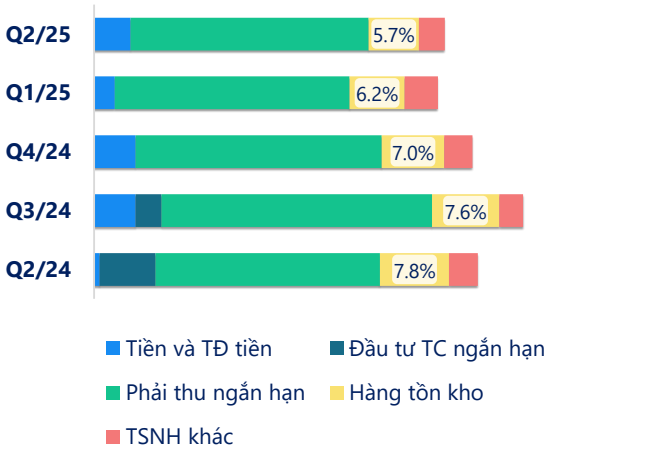
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



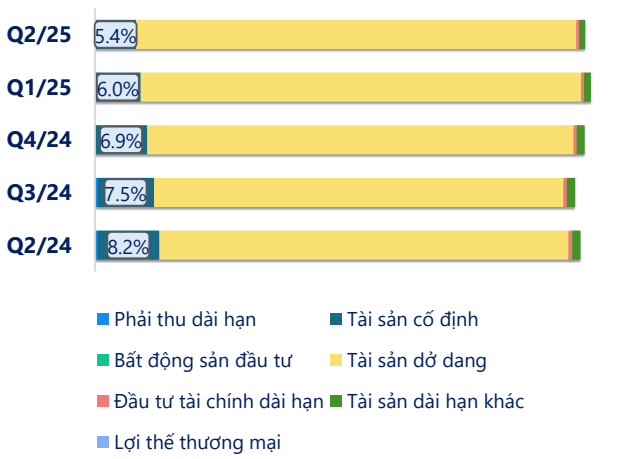
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



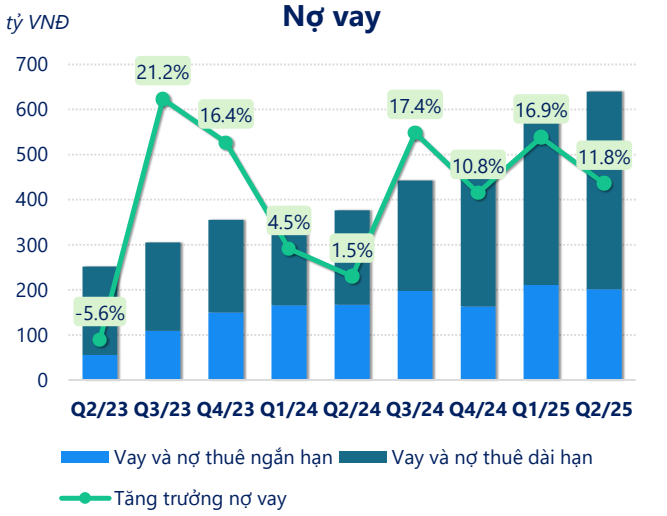
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



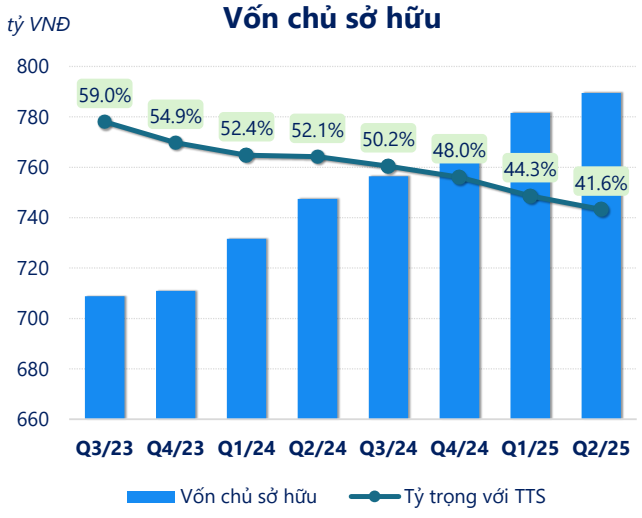
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



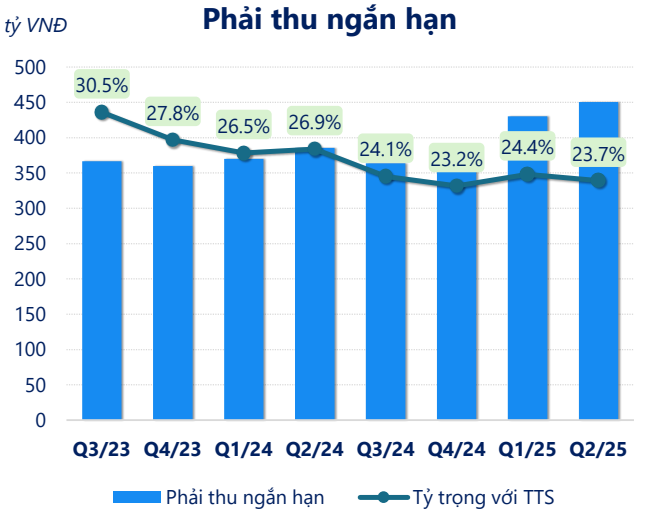
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



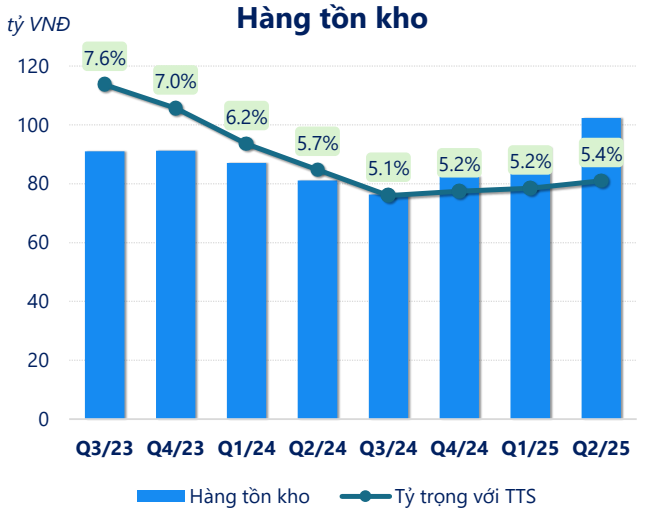
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



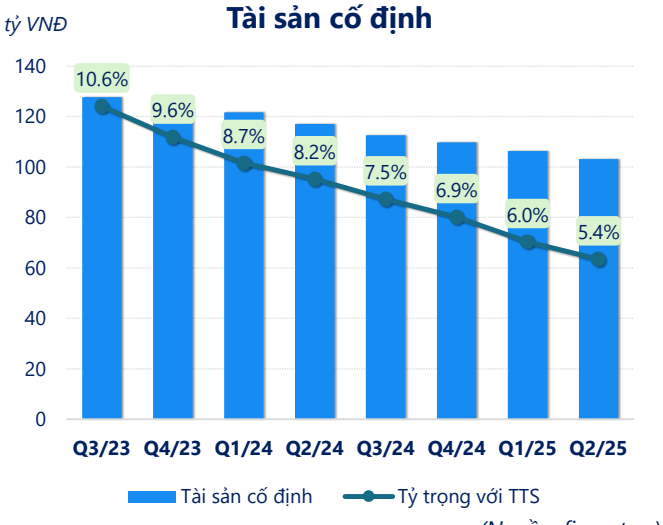
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



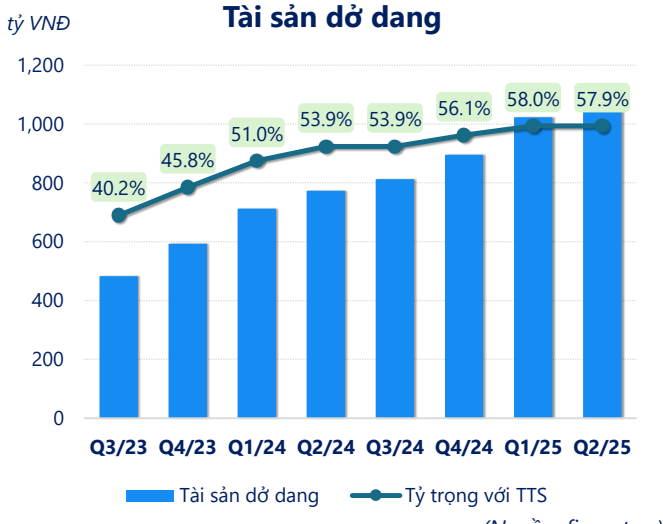
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



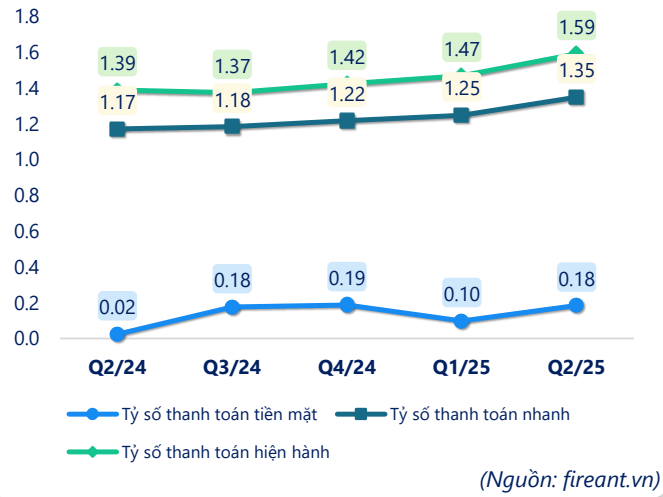
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



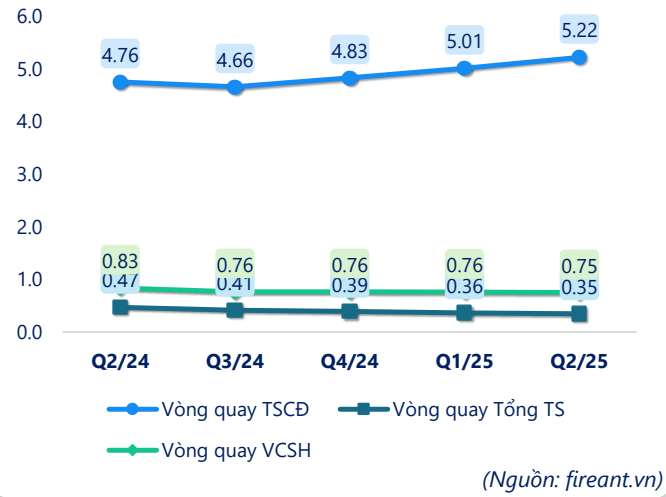
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,435**	**1,506**	**1,596**	**1,765**	**1,897**
Tài sản ngắn hạn	**518**	**554**	**567**	**613**	**672**
Tiền và tương đương tiền	9.01	70.8	74.6	41.1	78.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	386	364	371	430	450
Hàng tồn kho	81.1	76.3	82.4	92.3	102
Tài sản ngắn hạn khác	42.2	43.1	39.6	49.2	41.7
Tài sản dài hạn	**917**	**953**	**1,029**	**1,152**	**1,224**
Phải thu dài hạn	4.45	4.45	0	0	0
Tài sản cố định	117	113	110	106	103
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	773	812	896	1,023	1,099
Đầu tư tài chính dài hạn	6.80	6.80	6.80	6.80	6.80
Tài sản dài hạn khác	15.3	16.6	16.5	16.1	15.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**687**	**750**	**829**	**983**	**1,107**
Nợ ngắn hạn	**373**	**403**	**398**	**417**	**423**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	167	198	163	210	201
Phải trả người bán ngắn hạn	135	126	135	137	141
Nợ dài hạn	314	347	431	566	684
Vay và nợ thuê dài hạn	210	245	326	362	439
Nguồn vốn chủ sở hữu	**748**	**757**	**767**	**782**	**790**
Vốn chủ sở hữu	**747**	**756**	**767**	**782**	**789**
Vốn điều lệ	209	209	209	209	209
Kinh phí và quỹ khác	0.14	0.14	0.14	0.14	0.14

(Nguồn: fireant.vn)